

TH ĐI M L I QUAN ĐI M L CH S VÀ V N HOÁ TRONG TÁC PH M C A L NG NINH, M NG GIANG VÀ NGUY N GIA K I N [1]

Source: Vijaya – H i B o T n V n H ó a Cham pa U S A

T m y n m qua ã có m ts tác ph m liên quan n Cham pa ra i V i t N a m c ng nh m ts n c nh Malaysia, Pháp, M . Trong ó áng chú ý nh t là 3 cu n sách: T Q u c n N n c a N g u y n G i a K i n, L ch S V ng Q u c Cham pa c a L ng N inh và Q u a N h ng N o Đ ng B ình Thu n c a M ng G iang [2].

C 3 cu n sách này, tu theo m c khác nhau mà tác g có c p v lch s và n n v n m ình Cham pa. Có i u áng chú ý là các tác ph m này do 3 tác gi g c ng i V i t th c h i n. H xu t thân t nh ng ch khác nhau. G iáo s L ng N inh thì V i t N a m , N g u y n G i a K i n Pháp và M ng G iang Hoa K . C 3 tác gi u có m c ích, quan n i m riêng khi v i t tác ph m, ch y u p h c v cho l i t ng c a h nh ng có m t i u Cham pa l i t r thành n n nh n c a l i t ng này. N u nh L ng N inh v i t c u n L ch S V ng Q u c Cham pa p h c v cho chính sách dân t c thi u s m dân trong ch X ã H i Ch Ngh a V i t N a m thì M ng G iang và N g u y n G i a K i n l i v i t sách c a m ình b o v ch C ng Hoà m i n N a m V i t N a m tr c n m 1975 và hoan hô m ô hình t do, dân ch Ph ng Tây. Có m t i u l , ó là 3 cu n sách nêu trên m ang 3 ch và 3 t t ng khác nhau c a 3 tác gi không cùng xu t phát t m tt ch c, xã h i ch ính tr nh ng l i cùng gi ng nhau v m tt t ng. N u N g u y n G i a K i n bàn v Cham pa trong tác ph m T Q u c n N n m t cách h i h t m c dù Cham pa là ch nh n chính c a d i t m i n trung V i t N a m trong quá kh lch s , thì L ng N inh và M ng G iang l i có m t cách nh i n v Cham pa m t cách r t phi n đ i n, phi khoa h c và ô i lúc có thái thù ch. Trong tác ph m T Q u c n N n c a N g u y n G i a K i n, tác gi v i t nh n nh v Đ i V i t và Cham pa «M t bên [Đ i V i t] là nh h ng nho gia, nh h ng v n hoá Trung Q u c, làm nông nghi p; m t bên [Cham pa] là nh h ng v n hoá n Đ đ a trên 2 gia i c p t ng l và ch i n b i nh» (tr. 201). Đ ây là m t câu v i t y n ý cho r ng Đ i V i t là c dân nông nghi p, h i n hoà và ch t phác còn Cham pa là dân t c luôn gây ch i n tranh. Còn tác gi L ng N inh, trong cu n L ch S V ng Q u c Cham pa khi l i gi i ch i n tranh gi a Đ i V i t và Cham pa trong su t 352 trang c ng ch a ra m t nguyên do duy nh t là khi Đ i V i t ánh Cham pa là do «Cham pa c p phá và không n p c ng» (tr. 81, 82, 85 và 187). V à M ng G iang, trong cu n Q u a N o Đ ng B ình Thu n c ng cho r ng «Chiêm thành m t n c là do h t o đ i n. C u c N a m t i n c a Đ i V i t ch ng qua c ng ch là m t ng u c m trùng» (tr. 115-116).

Qua 3 cu n sách nêu trên c gi th y r ng dù ng i v i t sinh s ng n i âu, b t c chân tr i góc b i n nào hay s ng trong b t c ch nào t do, dân ch nh Ph ng Tây hay ch c ng c a Ch Ngh a X ã H i V i t N a m thì kh i nh n đ i n v Cham pa, h u có m t cách nh i ng gi ng nhau b i m tt t ng Nam T i n c a dân t c V i t.

Mặc dù 3 tác giả nêu trên có trình độ kiến thức rất cao, nhưng do xuất phát từ một tư tưởng duy vật nên hình thức tư tưởng công minh trong nghiên cứu khoa học và do vậy cách nhìn của họ về Campuchia không công bằng, phi nhân, mất chi u, ôi lức h và v n và lí giải v n không phù hợp với hoàn cảnh lịch sử và n n v n m ình Cham pa. Chính vì vậy, 3 tác phẩm trên đã trở thành tư tưởng bình luận và phê bình của chúng tôi.

Trong phần phê bình này chúng tôi chú tâm nghiên cứu các tác phẩm nào trong 3 tác phẩm nêu trên có liên quan đến Campuchia. Phê bình 3 tác phẩm này không có ý là phê bình tác giả, ngược lại nghiên cứu vì tác phẩm mà chủ yếu là phê bình, trích nh ng t t ng, chính sách và chủ trương nào có ý làm sai lệch và phai nh t lịch sử và n n v n m ình Cham pa. Phê bình này cũng nhằm mục đích ánh sáng nghiên cứu gì là sự thật phù hợp với hoàn cảnh lịch sử, xã hội Campuchia và trở lại lịch sử và n n v n m ình Cham pa theo đúng giá trị của nó trong lịch sử. Phê bình cũng là một quan trọng trong nghiên cứu nhân văn mà mục tiêu là bảo tồn và phát triển văn minh Campuchia, một di sản văn hoá của nhân loại nhân văn trên trái đất và b o l u.

T Q U C N N N C A N G U Y N G I A K I N

Sách T Q u c n N n c a N g u y n G i a K i n in ln th hai có b tíc và s a ch a) t i Pari, 2004, 615 trang. Sách được chia làm 5 phần: Phần I – Đ t n c và con ng i; Phần II – Đ o n ng ã qua; Phần III – V ì âu nên nông n in ày; Phần IV – V ài trang b cho t ng lai; Phần V i t N a m – V n m ình l n d y. V à cu i sách có m t s b ài nh n nh c a c gi v cu n sách. Đây là cuốn sách viết khá công phu, tập trung nghiên cứu t li u và nh n nh quý giá về t n c, con ng i, lịch sử, v n hoá và chính trị v.v. c a V i t N a m . Ch ng t tác giả u t nhi u công s c, th i gian, t li u và tr i qua m t quá trình suy ng m n chún. V i b c c ch t ch , l i v n m ch l c, rõ ràng, lôgic, tác giả đã chuyển từ tư tưởng trung tâm khác góc và ph c t p thành nh ng v n ng i n, đ h i u trong lnh v c lịch sử, v n hoá và chính trị V i t N a m t c chí k i m . Cu n sách có n i dung sâu s c, có nhi u óng góp quan trọng trong lnh v c nghiên cứu là t p h á c quan i m c x a, l i th i c a các tác giả i tr c và a ra m t cách nhìn m i v t n c và con ng i v i t N a m .

Đóng góp thực tế, đó là tác giả dám nói sự thật về những khuyết tật của dân tộc Việt Nam, mặc dù sự thật đó là ph phàng, làm s p th n t ng nh ng v nhân, nh ng nhân v t lịch sử, cũng như niềm tự hào về v n hoá của dân tộc Việt Nam. Nhiều nhà viết Việt Nam [3] cho rằng Việt Nam có 4.000 năm lịch sử nhưng tác giả Nguyễn Gia Kính chỉ nghiên cứu m ình hoàn toàn khác h n. Theo tác giả Việt Nam chỉ có 2.500 năm lịch sử (tr. 115-119). Lịch sử Việt Nam luôn xem Nguyễn Huệ, Đinh Bộ Lĩnh v.v là những nhân vật anh hùng, có công nghiệp trong lịch sử Việt Nam, xứng đáng làm vua thiên hạ ph ng s và tôn th . Những Nguyễn Gia Kính chỉ nghiên cứu c l i, đó là những ông vua bất tài, b o ng c, ch ng có công gì cho t n c (tr. 151, tr. 155, tr. 520). Nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam từ hào r ng, Việt Nam là cái nôi v n hoá, v n m ình, có nhi u giá trị v n hoá v t ch t và tinh th n [4], những Nguyễn Gia Kính chỉ nghiên cứu c l i, «v n hoá dân t c V i t N a m ch ng có gì, ngoài vài cây c t chùa Phật, những hoa văn chạm tr gó c

gi ng, t » (tr.241). «Ngay c th v n, nhi u ng i cho r ng th v n ng i V i t là s , tiêu bi u là truy n K i u, nh ng tác gi cho r ng th v n ng i V i t không có gì áng k , n u t ng k t ch vài tr m bài. Còn truy n K i u không ph i là tác ph m c a c a ng i V i t sáng tác, mà tác ph m c a N guy n Đ u n c p t m t c t truy n c a tác ph m Thanh Tâm Tài N hân c a m t tác gi vô danh bên Tàu» (tr.326 và tr.242-244). Nhi u nhà nghiên c u V i t N am cho r ng K h ng T , Đ o N ho là ni m t hào v t t ng, n p s ng o c, có vai trò c l c trong vi c duy trì tr t t xã h i phong ki n V i t N am , là nhân t quan tr ng hình thành v n hóa và v n m ình V i t N am . ây tác gi N guy n G i a K i n ch ng m ình ng c l i, N ho giáo ã kìm hãm , làm thui đ t giá tr v n hoá và tinh th n c a ng i V i t N am . Tác gi còn cho r ng v n hoá K h ng là v n hoá vô l nh t (tr.32, tr.58). K h u hi u «N g i V i t có truy n th ng yêu n c, đ ng c m , gan đ ... » là câu nói c a m i ng c a ng i V i t và xu thi n nh n hàng ngày trên sách, báo c a V i t N am nh ng N guy n G i a K i n ã tìm ra c cái s th t và ch ng m ình ng c l i ng i V i t không yêu n c, không đ ng c m mà ng i V i t là ng i nhát gan. Ví d : n m 1772 ch 7 tên lính Pháp mà ã ánh chi m N ình B ình và 170 lính Pháp ánh Hà N ình ng không g p m t s kháng c nào (tr.217)... Khá i ni m “yêu n c”, “ái qu c” không có trong ngôn t ng i V i t. Ngôn t này ch xu thi n sau th k 19 và u th k 20 khi Pháp n t n ô h V i t N am (tr.341, tr.573).

Đóng góp th h air t có giá tr trong cu n sách này là tác gi N guy n G i a K i n ã lí gi i c 2 v n hóc búa: Làm sao thay i cách tr n c c a ng i V i t và t i sao Đ ng C ng s n V i t N am (CSVN) y u nh v y m à không s p . Đ tr l i câu h i thách này, tác gi nêu ra 2 v n :

V n th nh t, nhi u ng i n ó i r ng, ch CSVN c tài quá nh ng n u t m t tr ng h p Đ ng CSVN s p th i m đ ng khác c a ng i V i t lên thay, n m quy n cai tr V i t N am thì tình hình V i t N am có thay i không? Ch c ch n c ng v y th o i, có khi m t Đ ng khác lên thay còn tàn b o h n Đ ng CSVN , b i v ì b n ch t ng i V i t là nh nhau c . Đ i m này tác gi N guy n G i a K i n ã lí gi i r ng, m u n thay i cách tr n c c a ng i V i t N am, m ong t i n t i m t n đân ch , t do th c s thì tr c tiên ph i thay i b n ch t c o ng i và v n hoá V i t N am (tr.577-594).

Đ i m th hai, nhi u ng i th c m c t i sao Đ ng CSVN làm t t ch c y u nh v y m à không s p . Ch c ch n Đ ng CSVN ph i là Đ ng v ng m nh m i t n t i c g n m t th k nay. Đ i m này tác gi lí gi i r ng, Đ ng CSVN còn t n t i c v i đân t c V i t N am ch a có phong trào yêu n c. B n ch t t ng ng i V i t, m c dù h s ng ch nào (C ng S n hay C ng Hoà) u b nh h ng b i t ng N ho gia, luôn trung v i vua, hi u v i n c, cho nên nhân đân ph i ph c tùng vua và ch p nh n làm nô l . Ch ính vì th , s t n t i c a Đ ng CSVN ngày nay V i t N am không ph i xu t ph á t t m t t ch c ch t ch và hùng m nh nh m t s ng i l m t ng (tr.219). C hai v n trên tác gi lí gi i có s c thuy t ph c cao.

Bên c nh nh ng u i m nêu trên, tác ph m này còn có nh ng khuy t i m

Đ i ng c dòng th i gian c l i nh ng tác ph m liên quan n l ch s , v n hoá, chính tr c a đân t c V i t [5] thì ng i ta đ ã ng nh n th y h u h t các tác ph m c a các s

gia và các nhà văn hoá Việt Nam luôn tưng bực và ca ngợi dân tộc Việt Nam một cách quá đáng. Họ luôn cho rằng dân tộc Việt Nam có 4 ngàn năm văn hiến, có tinh thần yêu nước nồng nàn, gan dạ, dũng cảm, kiên cường, thông minh; có nền văn hoá cao, thâm thúy, có kho tàng thơ văn cổ; và tinh thần Việt Nam thì ngang bằng binh chủng, tài ai thì nhiều. Để chứng minh những vấn đề trên, các sử gia và các nhà văn hoá Việt Nam thường sử dụng những tài liệu nghèo nàn, không thuyết phục, chủ yếu dùng những câu văn sáo rỗng như: "binh luận, ca ngợi, nhãi nhăm cho mình lịch sử và bõ v cho mình quan điểm chính trị quốc gia" để ngụy biện hay mĩ mãn thái độ hàn lâm cho các tưng bực mĩ mãn văn hoá Việt Nam. Những vấn đề này quan trọng trên, tác giả Nguyễn Gia Kính nhìn lịch sử văn hoá và con người Việt Nam theo chiều hướng tích cực. Nguyễn Gia Kính luôn tìm những cái tốt đẹp, cái thi vị của dân tộc Việt Nam bình và phân tích về mặt tích cực tìm ra mặt tốt đẹp, tích cực cho dân tộc Việt Nam. Để chứng minh những luận điểm của mình, tác giả Nguyễn Gia Kính đã sưu tầm những tài liệu phong phú (hơn 600 trang tài liệu) có sức thuyết phục. Đây là một quý và một nỗ lực tác phẩm. Tuy nhiên, cách nhìn tác giả Nguyễn Gia Kính cũng có những hạn chế. Tác giả chỉ nhìn thấy những khía cạnh tích cực mà bỏ qua những hạn chế hay của dân tộc Việt Nam. Trong khi đó, nghiên cứu khoa học thì cần phải nhìn nhận một cách thận trọng, khách quan, nhiều góc độ khác nhau, khách quan, khoa học. Chính vì thế, tác giả cũng thấy tác phẩm của Nguyễn Gia Kính vẫn là tác phẩm mĩ mãn. Đây là một khiếm khuyết, một thiếu sót mà cần phải được nhìn thấy trong cuốn sách của tác giả.

Một thiếu sót nữa là khi viết, mặc dù tác giả phê phán con người Việt Nam thì cũng lịch sử là thẳng thắn, không bị thiên vị. Những nhà viết sử Việt Nam chưa có tính khách quan, còn mang tính gia đình và áp dụng kinh nghiệm của mình. Tác giả phê phán Trần Trọng Kim cũng có công, vì Trần Trọng Kim là kẻ thù ghét nhà Nguyễn (tr. 155-tr. 158). Mặt khác, tác giả phê phán Đặng CSVN không yêu cầu tranh gia đình, phê phán vô số (tr. 225-tr. 227, tr. 561). Những chính tác giả lịch sử hiện nay. Để ghi nhận những thành tựu, tác giả không bình luận, văn bản lịch sử gia đình là một thủ tục. Cũng vậy, vì Công Sản giữ gìn tôn giáo, chú và bác của tác giả. Tác giả chỉ 15 tuổi thì theo mẹ đi tù ở Công Sản. Lên, sau 1975, bản thân tác giả và vợ Công Sản cũng tù, cho con gái ở tù của tác giả mới 16 tháng tuổi bị chết oan, vì không ai dám nói. Văn này của tác giả trình bày các truyện I-VII của lịch sử và lập lại các trang sau. Điều này làm cho người hiểu rằng, đây là nguyên do và nguyên nhân chính tác giả viết do và chống Công Sản, và lòng yêu cầu của tác giả chỉ là theo sau. Chính những vấn đề này đã làm cho tác phẩm của Nguyễn Gia Kính còn mang tính gia đình và mang hình thức của một biên niên chính trị bõ v cho quan điểm và lòng căm thù.

Một thiếu sót nữa là không ai dám chỉ ra cái sai của lập luận này là trong tác phẩm của Nguyễn Gia Kính thì trung tâm của những tài liệu phong phú và những ví dụ, những bằng chứng và nhân chứng. Những tài liệu khi viết tác giả không chú thích nguồn tài liệu mà tác giả sử dụng, cũng không ghi rõ tên, địa chỉ của nhân chứng, ngày ghi phỏng vấn (tr. 570-tr. 572). Đây là thao tác kỹ thuật cần phải có khi viết công trình khoa học.

nghiêm túc. Nếu kh c ph c c i m này, cu n sách c a tác gi c àng có s c thuy t ph c cao và d dàng cho i sau s d ng khi c n trích d n và tham kh o.

Cu n sách c a Nguy n G ia K i n tuy b c c ch t ch , nh ng nhi u trang vi t trùng l p, nhi u v n c l p i l p l i nh i u l n. Ch ng h n, tr. 32 nói v o N ho, thì tr. 58 l p l i; tr. 53 nói v ê Sông H ng, thì tr. 115-116 l p l i v. Tác gi còn s d ng nhi u t ng không t nh (thô b , vô l , m t v sinh. v.v) không phù h p v i m t ng i có trình uyên thâm nh tác gi. Ví d , «Đ àn ông V i t Nam là ng i ch ng thô b nh t th gi i» (tr. 58), «Các n c Á Đ ông r t là vô l , nh t là các n c theo Kh ng giáo» (tr. 58), «G ia nh p ASEAN (...) Đ ng CSVN (...) c tài (...) tr thành l b ch, thi u v n m i nh và m t v sinh» (tr. 518) v.v. Thi t ng h tác gi có th a kh n ng thay th nh ng t trên b ng nh ng m t khác m ang ngh a t ng.

M t nh c i m khác c a cu n sách này là tác gi th ng dùng cách chuy n ý ho c m u cho m i ph n, m i o n c a cu n sách b ng m t bài th . V n này ã làm cho n i dung cu n sách c a tác gi g n gi ng v i tác ph m bình th ho c là m t ti u thuy t h n là m t tác ph m phân tích, phê bình l ch s và v n hoá dân t c V i t Nam. Nh c m này r t quan tr ng, làm gi m n i dung và hình th c cu n sách c a tác gi.

M t nh c i m cu i cùng, bao trùm và có ý ngh a quy t nh n n i dung và ý ngh a c a cu n sách T Qu c n N n là không bi t tác gi Nguy n G ia K i n « n N n » cái gì m à không c p n cu c Nam T i n c a ng i v i t và s d i t v o ng c a v ng qu c Cham pa. Đ ây là ch chính m à chúng t o i quan tâm. Trong cu n sách T Qu c n N n dày 615 trang nh ng tác gi ch trình bày v Cham pa và các dân t c thi u s khác V i t Nam m t cách v n t t ch a y n a trang (tr. 201). Tác gi th a bi t r ng l ch s V i t Nam ngày nay không ch giành riêng cho dân t c V i t (K i nh) m à là l ch s chung c a các dân t c, trong ó có Cham pa. Dù vô tình hay c ý, dù b i n m i nh cho b t c m t lí do gì, ch quan hay khách quan, thì m t i u rõ ràng m à m i ng i ã th y là h u qu Nam T i n c a ng i v i t s u th n 8 th k (kh i u t th k 11 n th k 19) ã i n m m àu m áu hoen , đã m an trên trang s Đ i v i t i v i dân t c Cham pa m à ng i v i t c n ph i « n N n » và sám h i cho k i p sau kh i b h l y. H u qu Nam T i n c a ng i V i t còn a dân t c Cham pa tr thành k v o ng qu c, v o ng thân m à n hôm nay ng i Cham pa v n còn b áp b c, phân b i t, i x không bình ng nh là m t công dân ngo i l trên lãnh th V i t Nam. Th m à trong tác ph m T Qu c n N n, tác gi Nguy n G ia K i n không có m t o n v n, m t trang nào a ra phân tích v cu c Nam T i n c a ng i v i t m à kêu g i dân t c V i t, chính quy n V i t Nam dù b t c ch nào, C ng Ho à hay C ng S n ph i b i t « n N n » có b i n pháp và chính sách thi t th c xây d ng và phát tri n dân t c Cham pa m t cách h p lí trên lãnh th V i t Nam. Ng c l i, Nguy n G ia K i n ch b i t t p trung suy ngh , « n N n » cho nh ng b c th ng tr m c a l ch s và t ng la i c a dân t c V i t. V à n un h v y, n ây c m t « T Qu c n N n » trong tác ph m c a Nguy n G ia K i n m t h t c n i dung và ý ngh a c a nó.

Tóm l i, Cu n sách T Qu c n N n c a Nguy n G ia K i n thu c lo i công trình kh o c u v l ch s , v n hoá, ngh lu n chính tr , hay là tác ph m bình th ho c là m t ti u thuy t. Thú th t khi c xong cu n sách và ngay n khi v i t đ o ng cu i này, chúng t o i

không bị tx p cu n sách này vào lo inào? Có l t ng h p t t c nh ng th lo i trên. Tuy nhiên, m ts nh c i m nêu trên c a cu n sách là không áng k so v inh ng óng góp c a tác ph m . Đây là cu n sách áng cho m ing i c và suy ng m . N u l n sau táib n, tác gi nên b sung nh ng chú thích làm rõ ngu ng c t li u, l tb vài o n ý, trùng l p và nên giảnh m ts trang thích áng cho lch s Cham pa kh i v i t v lch s c a dân t c V i t N am . N u làm c i u này thì c cu n sách s t ng thêm giá tr khoa h c nh là m t công trình kh o c u áng tìm c y v t n c và con ng i v i t N am , c ng nh là m t cu n sách c m nang kh i u cho ai là con ng i v i t N am m u n u tranh th c s , không m dân, h ng t i v i m t n n dân ch , t do, công b ng và bác ái.

L CH S V NG QU C CHAM PA C A L NG NINH

L ch S V ng Qu c Cham pa c a L ng N inh, N hà xu tb n Đ i h c Qu c gia, n hành t i H à N i, n m 2004, 352 trang. Sách g m có 5 ph n: Ph n I – Th i t i n s và s s ; Ph n II – Th i s k i v ng qu c Cham pa (th k II-X); Ph n III – Th i k i V i jaya (th k X-X V); Ph n IV – S ph át t r i n k i n h t -xã h i Cham pa; Ph n V – Cham pa th i h u k i (sau n m 1471); Ph n cu i cu n sách là ph l c và t li u tham kh o. Đây là cu n sách u tiên c a h c gi V i t N am nghiê n c u chuyê n sâ u v lch s v ng qu c Cham pa k t sau 1975 n nay. V i v y, s ra i cu n sách này ã gâ y s chú ý cho gi i nghiê n c u và c gi .

N ó i n lch s v ng qu c Cham pa ng i ta ngh ngay n các cu n sách c a tác gi n i t i ng ng i Phá p, trong ó có tác ph m Le Royaume de Cham pa (V ng qu c Cham pa) c a G. M aspero [6], m c dù có m t v à kh i m khuy t n h , nh ng v n c xem nh là cu n sách có giá tr v i t v lch s v ng qu c Cham pa m à n nay ch a có m t cu n sách nào x ng áng thay th nó. Nh ng cho n nay, m t i u áng m ng là cu n sách L ch s V ng qu c Cham pa c a L u ng N inh ra i góp thêm cho ngành khoa h c lch s V i t N am , c b i t là trong lnh v c nghiê n c u Cham pa m t công trình m i. Nh ng r t t i c r ng, cu n sách này có nhi u quan i m lch s b t c p, sail m c n ph i xem xét và ch nh n l i. Trong ph m v i b à i v i t này, chúng t o i ch nêu ra m ts y u t sail m quan t r ng, hoàn toàn ng c l i v i n t ng c b n c a lch s Cham pa.

Sail m v cách phân k lch s

Ngay t l i n ó i u, tác gi ã phê phán nh ng công trình nghiê n c u lch s Cham pa c a các tác gi ng i Phá p. Đ m u cho quan i m c a m ình, L ng N inh cho r ng cu n sách V ng qu c Cham pa c a M aspero «nó ã quá x a c , k c tài li u và quan i m. Nh ng ch sai (...) ã b kh i sâ u, gâ y tâm l i t h i m trong lòng dân t c» (tr. 1). M c dù là v y, nh ng cu n sách c a tác gi còn t h i h n không có óng góp gì m i thêm cho lch s v ng qu c Cham pa. Ngay c cách phân k i lch s c a v ng qu c Cham pa, L ng N inh v n theo l i m òn cách phân k i lch s v ng qu c Cham pa c a tác gi ng i Phá p nh M aspero.

Sail m v niên i c u i c ùng Cham pa

Một tiểu luận ý, các tác giả khi viết lịch sử Champa chú ý những sự kiện lịch sử trên ngày sự thành lập vào năm 1471. Còn những năm sau đó, vì thiếu tài liệu, họ ít quan tâm hơn về những sự kiện và còn có những nhận định khác nhau về sự tồn tại và sự sụp đổ của Champa sau năm 1471. Trong cuốn Lịch sử vùng quốc gia Champa, tác giả Lê Ngọc Ninh cho rằng «Năm 1693 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, Chiêm Thành cũng không tồn tại với cách một quốc gia riêng biệt mà trở thành một phần lãnh thổ chính quyền Đàng Trong, sau đó trở thành một tỉnh của Việt Nam» (tr. 220).

Nói về lịch sử Champa sau năm 1471, Po Dharma [7] đã phân định kinh lịch hoàn toàn khác nhau về quyền kiểm soát Lê Ngọc Ninh. Theo Po Dharma, năm 1692 (chính không phải 1693 như Lê Ngọc Ninh viết), nhà Nguyễn xua quân chinh phạt Champa, sau đó thay vì danh xưng Chiêm Thành (Champa) thành Trấn Thuận Thành và sáp nhập vùng quốc gia này vào lãnh thổ Việt Nam. Năm 1693, nhân dân Champa vùng duyên hải quần xã Lư Khê vùng quốc gia này. Vì không thể kháng cự với vùng duyên hải này, Nhà Nguyễn chấp nhận tái lập quyền họ Panduranga-Champa, vì vậy kinh lịch vùng quốc gia này chấp nhận sự hình thành phần Bình Thuận ưu tiên trong biên giới chính thức của Panduranga-Champa, nhằm cai trị trực tiếp các cư dân Việt sống rải rác trên lãnh thổ này. Năm 1771, chiến tranh giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh đã biến Panduranga-Champa thành bãi chiến trường mà máu giã hai thế lực của Việt. Thế là những người còn của Panduranga-Champa hoàn toàn tùy thuộc vào kết quả của chiến tranh này. Năm 1802, Nguyễn Ánh thành công, lên ngôi lấy danh hiệu là Gia Long. Để đáp công lao của những người này, ông đã có công giúp ngài trong chiến tranh chống Tây Sơn, Gia Long giao cho Po Saung Nhung Ceng quyền cai trị xứ Panduranga-Champa mà sử liệu Việt Nam hay tài liệu hoàng gia Champa viết bằng tiếng Hán gọi là «Thuận Thành Vương». Năm 1832, Hoàng Minh Mạng xua quân trừng phạt Panduranga-Champa với lý do theo Lê Văn Duyệt và xóa bỏ vùng quốc gia này trên bản đồ Đông Dương. Po Dharma cũng nhận thấy rằng, sau năm 1692, Panduranga-Champa vẫn có một tổ chức hành chính riêng, một quân đội riêng, một thủ lĩnh riêng, hay nói một cách khác Panduranga-Champa này là một vùng quốc gia độc lập, dù sự độc lập đó nằm trong quĩch bó hẹp của triều đình Huế.

Đặc biệt những luận điểm này, bằng những nguồn sử liệu mới, có thể thấy rằng Champa, bị ký Champa, những nhà nghiên cứu giáo hay các nhà nghiên cứu Phụng Tây có một Champa vào thời điểm đó và có so sánh với biên niên sử Việt Nam, tác giả Po Dharma đã trình bày tài liệu này một cách công phu, có hình ảnh và có sự thuyết phục trong tác phẩm của ông ta liên quan đến những ngày cuối cùng trong sự liên hệ chính trị và quân sự giữa vùng quốc gia Panduranga-Champa và chính quyền Việt Nam. Tác phẩm này gồm 2 tập, dày 425 trang. Sau này, luận điểm Po Dharma cũng xem như là một phát hiện mới khác quan trọng trong lịch sử 33 năm sau cùng (1802-1835) của vùng quốc gia Champa cũng rất thú vị trong sách báo từ năm nay [8]. Trong khi đó, Lê Ngọc Ninh chỉ dành vỏn vẹn 15 trang nói về lịch sử Champa «Trấn Thuận Thành phần Bình Thuận» (Chương 13, tr. 223-227), vì lý do thiếu tài liệu và dựa trên tài liệu rất là nghèo nàn. Tác giả chỉ sử dụng những tài liệu của Việt Nam [9] nghiên cứu về nó, như là một phần của nghiên cứu về những quan hệ của Po Dharma cho rằng vùng quốc gia Champa vẫn còn «tồn tại một quốc gia cho đến năm 1832 [10]» (tr. 222-223) là không đúng. Khi phân định những quan hệ của Po Dharma,

tác giả Lãng Ninh viết một câu kết luận khi ng và ng ng ng u nh sau: «Nên thì t
t ng là úng này th c r a l i là không úng».

Các công nhân ngay r ng, trong thì i thông tin bùng n ngày nay, c gi không th
ch p nh n c kinh hiên c u v Cham pa, tác giả Lãng Ninh ch s d ng duy nh t
m ts ngu n th t ch c Vi t Nam nh ngh a quich chính tr c a m t qu c gia láng
gi ng mà Vi t Nam xem ó là it ng thù ch. C ng nên nh r ng, t li u c Vi t
Nam th ng kh ng nh ho c gi i thích theo quan im c a vua chúa Vi t Nam nh m
áp ng cho m c tiêu chính tr hay quân s c a vua chúa này. Chính vì th , t li u này
không mang tính khách quan và có nhi u khi m khuy t. Ch ng h n sau ngày th t th
V i jaya vào n m 1471, biên niên s Đ i Vi t không còn nói n Cham pa su t g n m t th
k . Và th t ch c Trung Hoa c ng v y. Quy n M inh-Che [11] có ghinh n m ts quán
Trung Hoa x Cham pa vào n m 1478; m ts t n phong cho hoàng t v T'chai Ya M a
Fou Ngan (B Trì Trì?) vào gi a n m 1478 và 1505; m ts t n phong m icho con c a
v vua nói trên vào n m 1515; và m t is c a Cham pa n Trung Hoa vào n m 1543.
Đ ó là nh ng thông tin cu i cùng mà ngu n t li u Trung Hoa nói n Cham pa.

Đ i u áng ng c nhiên ây ó là Lãng Ninh viết l ch s Cham pa, nh t là l ch s sau
n m 1471, nh ng tác gi g t b hoàn toàn t li u vi t b ng ti ng Ch m liên quan n
v ng qu c này. Có ch ng tác gi không mu n c hay không bi t c ch Ch m? Đ ây
là m t li i làm vi c t c trách c a m t nhà s h c.

Trong kho tàng v n ch ng Ch m , các bài k í s vi t b ng ch Ch m nh Ariya Po Ce i
B rei, Tuen Phaow , Po C eng, Po Phaok, v.v. là m t t li u l ch s quan tr ng liên quan
n s ki n 33 n m sau cùng c a v ng qu c Cham pa 1802-1835 [12]. T i c r ng, tác gi
Lãng Ninh lib qua và không bao gi nh c n. Nh ng bài k í s này có n idung hoàn
toàn khác bi t v i quan im c a vua chúa Vi t Nam và không nh m m c ích kh ng
nh t ki n c a qu c gia Cham pa, ho c gi i thích chính th h p pháp c a tri u i
Cham pa thì ó. Đ ó không ph i là nh ng b n v n chính th c c a tri u ình Cham pa mà
là nh ng bài k í s vi t v các v vua chúa c a v ng qu c này, v các cu c n id y
ch ng li tri u ình Hu c ng nh ch ng lim ts nhà lãnh o Cham pa c a h . Trong
bài k í s này, tác gi th ng nói n cu c s ng hàng ngày và s th ng kh c a dân chúng
Cham pa thì ó. H là nh n ch ng l ch s k l ình ng c t truy n mà h ã nghe, ã
th y v i ch ính con m t c a ình [13]. Bao nhi u thông tin t v n b n c Cham pa có th
cho phép cho các nhà s h c Vi t Nam ki m ch ng li v à b t úc nh ng tài li u c a m ình.
Nh ng tác gi Lãng Ninh lib qua không c p. Đ i u này cho th y r ng, Lu ng
N inh là phi n di n, không t m nh ìm trên m i góc c a l ch s v ng qu c Cham pa.

Sail m v th ch chính tr

H t ph nh n quan im Po Dharm a v n m tháng cu i cùng c a tri u i Cham pa
(1832), tác gi Lãng Ninh còn phê bình h c gi n c ngo ài v khá i ni m M adala, th
ch liêng bang c a Cham pa. Theo tác gi , Cham pa không th là m t qu c gia liên bang
c nh ng ông ta không a ra m t d ki n l ch s nào ch ng m ình. Trang 152, tác
gi vi t «v i lí thuy t M andala [có ngh a là liên bang, n u em áp d ng ây, t i ch
ng ý m t n a».

S sail m c a tác gi Lãng Ninh v th ch chính tr Cham pa có m t tác h i to l n n
n n t ng c b n c a l ch s Cham pa. Cùng theo quan im v i Lãng Ninh, hai nhà vi t
lách Dohamide và Dorohiem [14] l p i l p l i s sail m này trong tác ph m xu t b n

vào năm 2004. Ngoài ra, Dohamide và Dorohiem tch bin m tly lun rigan cho L. Finot [15] là người ã em rak tlu n: «v ng qu c Cham pa h p thành m t c c u qu c gia th ng nh tch không ph i là m tchu icác ti u v ng qu c c l p nh bé». Tic r ng L. Finotch nói r ng tri u iBhadravarm an I (380-413) là v ng tri u duy nh t ã xây d ng th ch chính tr Cham pa d a theo h th ng qu c gia th ng nh t và trung ng t p quy n theo ki u Đ i V i t và Trung Hoa. Tic r ng, th ch này ch x y ra m t tri u iBhadravarm an trong vòng 33 n m , cho nên không th nhâ n danh m t tri u i này k tlu n cho toàn b m t th ch chính tr c a lch s v ng qu c Cham pa.

Đ i u m à chúng tô i xin m ngo c ây, L. Finot và E. M. Durand [16] là hai nhà khoa h c Pháp ã nêu ra lý thuy t vào u th k th 20 cho r ng Cham pa không ph i là m t qu c gia t p quy n nh th ch chính tr V i t Nam . N i g ó t L. Finot và E. M. Durand, các s gia Pháp [17] ti p t c ch ng m inh r ng Cham pa t p trung b n ti u v ng qu c (ch không ph i là T nh hay Đ o) thành l p m t «qu c gia liên bang» (fédération) và ô i lúc c n là m t «v ng qu c liên hi p» (confédération), tùy theo s ti n trình lch s c a v ng qu c trong không gian và th i gian.

Panduranga m i n nam là m t ti u v ng qu c cung c p cho nhà khoa h c r t nhi u tìm t c liên quan n th ch chính tr Cham pa th i ó. N ó i n Panduranga, h u h t các s gia chuyên v Cham pa m à chúng tô i ã nêu ph n trên u a ram tnh n nh chung. Theo l i k tlu n c a các tác gi này, Panduranga không ph i là n v hành chánh c a Cham pa t ng ng v i T nh hay Đ o trong t ch c hành chánh V i t Nam . Panduranga là m t ti u v ng qu c có vua chúa riêng bi t, có th ô (Virapura), quân i, h th ng hành chánh, thu m á và biên niên s riêng bi t. Ti u v ng qu c này s n sàng s ng chung trong m t biên gi i chính tr c a Cham pa, nh ng không ph i vì th m à h ch p nh n m i quy t nh c a vua Cham pa trung ng không phù h p v i quy n l i c a h và n u c n, h xua quân ch ng l i tri u ình trung ng hay h tìm cách tách r i ra kh i lãnh a c a Cham pa thành l p m t qu c gia riêng bi t.

Đ ng u c a v ng qu c liên bang Cham pa không ph i là Patao [18] nh ng là Rajadiraja (vua c a vua), th ng do các v vua c a ti u v ng qu c tôn vinh. Nh ng ô i lúc ông ta c ng th ng d a trên oai quy n quân s ti u v ng qu c m ình chi m o t tôn hi u Rajadiraja. H th ng t ch c liên bang Cham pa th i c ó r t nhi u i m t ng ng v i t ch c liên bang M ã Lai hôm nay. Có ch ng tác gi L ng N ình không c n lch s c a dân t c M ã Lai, cùng chung m t gia ình ngôn ng và v n hóa Cham pa.

M t khi ã nh ngh a r ng Panduranga không ph i là m t T nh hay Đ o c a Cham pa, nh ng là m t ti u v ng qu c c a Cham pa, các s gia chuyên v Cham pa trong ó có G s . P-B. Lafont và Po D harm a [19] a ra g n ây l i k tlu n r ng Cham pa không ph i là m t qu c th ng nh t trung ng t p quy n nh th ch V i t Nam hay Trung Hoa, nh ng là m t qu c gia liên bang (fédération) và ô i lúc c ng i là liên bang qu c gia (confédération), vì Panduranga, ã m y l n trong lch s , t phong cho m ình là qu c gia c l p [20].

Sai l m v thành ph n dân t c

Ngoài sailm v th ch chính tr , tác gi L ng N inh không tán thành qu c gia Cham pa là v ng qu c a s c t c. Trang 155, tác gi còn vi t «n u coi ó [Cham pa] là nhà n c liên m inh a s c t c thì ã không ph n ánh úng th c t lch s ». Cham pa không ph i là v ng qu c c a dân t c Ch m nh L ng N inh hi u l m mà là m t qu c gia a s c t c. Nhi u nhà s h c, trong ó có B .Gay, Po D harm a là nhà nghiên c u cu i cùng vi t b ài vào n m 1987-1988[21] ch ng m inh r ng dân t c Cham pa bao g m t t c s c dân s ng trong biên gi i chính tr c a Cham pa th i tr c, trong ó có s c dân Tây N guyên nh Jarai, Ra ê, Koho, Cru, Rag lai, v.v. và s c dân Ch m s ng m i n chuyên h i. T t c dân t c Cham pa u có quy n và ngh a v nh nhau. Đây là m t vài thí d ch ng m inh cho lý thuy th . N m 1151, hoàng t V am saraja, anh r c a vua Jaya Harivarm an I óng ô V ijaya kêu g i anh em Tây N guyên m à bìa ký g i là R adé, M ada, v.v. vùng d y ch ng li tân v ng này vì h cho r ng Jaya Harivarm an I là vua c p ng òi. Trong nh ng cu c u tranh ch ng ngo i xâm t th ichi n tranh v i M òng C vào n m 1283, vua chúa Cham pa th ng ch n khu v c Tây N guyên làm c i m c a m t khu. Các thành viên u tranh này không ph ich là dân t c Ch m mà t p trung nhi u s c dân Tây N guyên. Ch c n c các cu c vùng d y c a Tuan Phaow (1796), Katip Sumat (1833) và Ja Thak W a (1834)[22], c gi có th tr l icho quan i m sai l m c a L ng N inh v s c dân Cham pa.

Đ i u m à chúng t òi m u n l u ý ây ó là c m t Ch m không bao gi xu thi n trên bi á. Nói n nhân dân c a v ng qu c này, bi ó g ih là urang Cham pa (ng i Cham pa). Nói n vua chúa v ng qu c này, bìa á vi t là Raja Cham pa (vua Cham pa). Nói n n tháp Cham pa, bìa á dùng t kalan Cham pa (n tháp Cham pa).

N u L ng N inh cho r ng Cham pa là v ng qu c c a ng i Ch m , t i sao vua chúa c a v ng qu c này không dùng c m t Ch m xác nh n ngu ng c c a h trên bìa á. N u h không g ih là Raja Ch m (vua Ch m) mà là Raja Cham pa (vua Cham pa), thì có m t lý do chính áng m à các nhà nghiên c u c n tra c u l i.

Cham pa là v ng qu c a ch ng. M i s c dân có quy n và ngh a v ngang nhau. Chính vì th , vào nh ng th k th 16 và 18, nhi u s li u còn ch ng m inh r ng Po Rom é, ng i ng ra thành l p m t tri u i t n m 1627-1796 [23] ti u v ng qu c Panduranga không ph i là vua g c Ch m nh ng là Churu. Thêm vào ó, tài li u hoàng gia Panduranga vi t vào n m 1702-1810 ch xem ng i Ch m làm t thành ph n c a s c dân ti u v ng qu c này. Hàng lo t v n ki n hoàng gia Panduranga còn cho bi t là có nhi u ng i Rag lai và Churu gi m ts quy n hành quan tr ng trong tri u ình th i ó và th ng hay than phiên v i vua chúa là m ts binh lính ng i Ch m th ng hay tr n tránh trách nhi m . N m 1834, nhà cách m ng Ja Thak W a ã ch n m t ng i Rag lai lên làm vua Panduranga, m t ng i Churu nh m thoàng t k v , và m t ng i Ch m nh v ch huy tr ng quân ich ng t m t l n n a x s Cham pa th ts là m t qu c gia a dân t c[24].

M t vài thí d i n hình m à chúng t òi ã ch ng m inh ph n trên cho th y r ng quan i m c a L ng N inh cho r ng Cham pa là m t lãnh th ch có nh ng ng i Ch m c ng và c cai tr b inh ng quan ling i Ch m là hoàn toàn sailm .

M t tác ph m không có gì m i l

Trong tác ph m này, L ng N inh ch l p i l p l i nh ng t li u quá c , không chính xác, không có gì m i l m c dù tác gi phê phán tác gi ng i Pháp vi t v Cham pa là l i

thi, c rích (tr.1). Khibàn v bikíChampa vùng Phan Rang (tr.37), L ng N inh cho bi t «trên tPhan Rang có kho ng 10 m inh v n». Th c ra, ây ch là s li u bikí c a ng iPháp th ng kê trên tPhan Rang t u th k XIX. Ngo ài bikí ã c ng i Pháp th ng kê [25], nh ng nhà nghiên c u a ph ng N inh Thu n ã phát hi n nhi u bi kím i [26], nh ng tác gi không c p nh t c thông tin khoa h c, ó là i u áng ti c! Thêm m t i m lith i, l ch u n a trong cu n sách L ng N inh là khi vi tv dân s ng iCh m. M c dù sách c a L ng N inh xu tb n vào n m 2004, nh ng tác gi dùng s li u th ng kê dân s ng iCh m n m t 1989 (sail ch quá nhi u), trong khi ó tác gi quên it ng i u tra dân s c a Vit Nam vào ngày 1/1/1999 liên quan n dân s c a ng iCh m Vit Nam (133.000 ng i) ã c ph bi n r ng rãi trên các ph ng tin thông tin ichúng và các sách báo Vit Nam [27].

Cu n sách c a L ng N inh còn ch a ng m ts l p lu n m h . Trang 228, khi c p n v n b n ch Ch m , tác gi vi t «M ts c quan n c ngo ài v n c ng i idu lch nh ng i vào dân, thuê ng idân ti p t c tìm ki m nh ng b n th o còn li (nghe nói không ph i là ít)». Vi t sách khoa h c mà tác gi L ng N inh «ch nghe nói», không có b ng ch ng ch ng m inh cho quan i m c a m inh là i u không th ch p nh n c. Trong tác ph m này, tác gi có c p n «Tôn giáo và tín ng ng c a ng iCh m t 1471 n nay» [28]. Đ ây là m t c h it t tác gi L ng N inh b sung thêm nh ng phát hi n m i ã ng t i trên các m ng sách khoa h c Vit Nam liên quan n tín ng ng và v n hóa ng iCh m. T i c r ng tác gi không óng góp gì v m il v ph n này, mà còn làm sail ch đ ki n lch s tôn giáo Champa.

Liên quan n đ ki n lch s , t li u khai qu tkh o c h c Vit Nam t n m 1991 n n m 2001, L ng N inh có a ram t danh sách trong th m c tham kh o c a m inh (tr. 346-347) nh ng ti c r ng nh ng t li u nghèo nàn này không ch ng m inh c cho quan i m khoa h c mà Lu ng N inh ã tra trong cu n sách. Th thì tác ph m L ch s v ng qu c Cham pa c a L ng N inh không có gì m i, ch là m t công trình sao chép li nh ng gì m à các nhà khoa h c th gi i ã vi t và xu tb n. Dù là sao chép li nh ng L ng N inh còn v p ph i bao l i l m v n idung bài bi t b ng ti ng A nh ho c Pháp m à L ng N inh đ ch ra ti ng Vit. Ví d khi vi tv H i giáo Ch m (tr.193-197), tác gi không ch chép nguyên v n t li u mà còn copy c ý t ng c a P.Y.M anguin [29] mà không có đ n m t chú thích. Đ i u áng nói ây, ã copy r i m à còn copy sai, tu ti n b c chú thích t li u g c c a tác gi P.Y.M anguin.

ph n khác (tr.239-305) tác gi L ng N inh gi i thi u v n bikíCh m , nh ng tác gi c ng không cho bi t ngu n t li u này phát xu t t âu, ng trong sách, t p chí nào. S khuy t đ i n ngu n t li u này ã a c gi ng nh n r ng chính L ng N inh là ng i đ ch các bia kíChampa t ch Ph n và ch Ch m g c ra ti ng Vit mà th c ra bikíChampa là do các tác gi ng iPháp ã đ ch và công b r i rác trên BEFE0 t 1903-1933 và sau này tác gi R .C.M ajum dar [30] ã t p h p xu tb n thành sách. Tóm l i, tác gi L ng N inh ch có công đ ch thu t t ti ng Pháp, A nh sang ti ng Vit. Qua hai ví đ trên cho th y thái khoa h c c a tác gi nh th nào i v i các b c tin b i c a ông? Đ ây là m t thái hoàn toàn ing c l i v i qui lu tkhoa h c trên th gi i.

M t v n ch ng qu c

này trong bài vi tế am ình. A ic ng bi t, Đ i V i t ch u nh h ng n n v n m ình Trung Hoa luôn luôn xem các n c khác trên th gi ì này là ch h u c a m ình, t c là ph i có ngh a v tri u c ng cho m ình. Đ ây là m t t ng ch ngh a qu c m à Đ i V i t là qu c gia duy nh t trong khu v c Đ ông Nam Á th ng hay áp d ng.

Đ i v i Cham pa, m tv ng qu c ch u nh h ng n n v n m ình n Đ giáo, h không bao gi ch p nh n tri u c ng b t c ai, nh t là n c Đ i V i t m à h g i là Nagara Yavana (hôm nay g i là Nagar Yuen), t c là qu c gia c a nh ng ng ingo ilai. Ng c l i, v ng qu c Cham pa luôn luôn tìm cách phát tri n m i quan h ngo i giao v i các qu c gia láng gi ng qua các m ón quà thân h u do các phái b ngo i giao c a h m ang n t ng. T i c r ng, m i l n Cham pa m ang quà thân h u sang Th ng Long, tri u ình Đ i V i t l i gh i trong biên niên s c a m ình là v t tri u c ng c a Cham pa. Ngay c m ón quà m à các n c Thai Lan, Tây B an Nha, Pháp, v. v. g i n Đ i V i t, biên niên s V i t Nam v n rêu rao là v t tri u c ng h . Ch c n c tác ph m Qu c Tri u C hánh B iên [35] d i th i v a Gia Long, c gi s th y m t danh sách dài c a các n c m à vua chúa V i t Nam g i là ch h u c a h trong ó có c Thái Lan và Pháp.

Đ i u c n nh n m nh ây, tri u c ng t c là qu i ch d âng l v t có nh k r r t m à các qu c gia nh bé hay thua tr n ph i d âng h i n cho qu c gia hùng m nh bày t s th n ph c c a m ình. M t khi ã tri u c ng, qu c gia ch h u không bao gi dám vùng d y ch ng l i qu c gia hùng m nh ó. Đ i v i Cham pa, qu i ch tri u c ng cho Đ i V i t ch là m t c t truy n do Đ i V i t b a t nh m tôn vinh oai quy n các nhà lãnh o c a m ình thì úng h n. V i không l n nào s l i u Cham pa nói n v n tri u c ng n c láng gi ng. M t s i u r t là m âu thu n m à ng i t a ã nh n th y ó là Cham pa th ng hay xua quân t n công Đ i V i t sau vài tháng m à h m ang quà sang "tri u c ng".

M t th i d i n hình m à chúng tôi a ch ng m ình qui l u t l u m trong qu i ch tri u c ng này, ó là trong vòng 135 n m (1059-1194), biên niên s Đ i V i t có gh i l i 46 l n tri u c ng c a Cham pa. T i c r ng nh ng niên i tri u c ng không c qui nh r r t và các m ón quà hoàn toàn có giá tr khác nhau. M t khi t ng k t l i danh sách m ón quà tri u c ng m à biên niên s a ra, chúng ta th y r ng trong kho ng th i gian 135 n m ó, Cham pa ch "tri u c ng" cho Đ i V i t n m m ón quà có giá tr ó là b n con voi t r ng và m t con ng a t r ng. Đ i v i Cham pa, ây ch là m ón quà quá nh nho i và b t th ng m à v ng qu c này th ng m ang sang Đ i V i t trong nh ng l n v i ng th m c a phái b Cham pa ch không ph i là l v t "tri u c ng" nh tác gi L ng N ình h i u l m . Sau n m 1692, t c là th i k m à Panduranga-Cham pa b t d i quy n ô h c a nhà Nguy n, qu i ch tri u c ng b t u rõ h n, nh ng nh k c a tri u c ng này v n còn l u m [36]. Dù các nhà s h c V i t Nam có b i n m ình nh th nào i n a v hành ng xâm l c Cham pa, nh ng h không th che d u c chính sách qu c c a Đ i V i t i v i Cham pa m à biên niên s V i t Nam là nhân ch ng l ch s . M c dù Cham pa ã tri u c ng r ình ng Đ i V i t v n xu t quân t n công Cham pa. C n c vào biên niên s và t li u Đ i V i t m à L ng N ình ã gh i ra «trong 2 n m 1830-1831, quan h ngo i giao đ i n ra nh n nh p (...) Cham pa c s th n sang tri u c ng. T t nhiên nhà Nguy n không b ng lòng nh th , m à c n xúc ti n v i c chính ph c h n Cham pa (tr. 97). Th t ch c này còn nh n m nh thêm «t chúa Nguy n n Tây S n... v i c m t và gi yên lãnh th (...) là qui l u t phát tri n, c ng là lít ng và m c c a m ìng i dân (...) là lít ng th iêng liêng m à m ìng i dân [V i t] ph n u th c h i n» (tr. 225). Ch c n c qua bài vi tế a Nguy n Gia K ìng, c gi có th hình dung c âu là thái qu c c a các nhà lãnh o V i t Nam: «trong l ch s V i t Nam, m i k h i g i i quy t nh ng s b t ng

th ng ch tr ng ánh h n c u hòa, dù ánh là ngu xu n»[37]. T nh ng d n ch ng nêu trên ã hi n ra rõ b n ch t các giaic p lãnh o Vit Nam th ic r t là dã man, hi u chí n iv i láng gi ng Cham pa phía Nam . V ì r ng, chính sách xâm l c, c p t ai, gi th idân t c khác c giaic p lãnh o Vit Nam xem «là qui lu t phát tri n, c ng là lít ng thiêng liêng, và m c c am ing idân [Vit]ph i th chí n». V y m à khi Đ i Vit t i n quân chinh ph t Chiêm Thành, nguyên do duy nh t m à các s gia Vit Nam trong ó có tác gi L ng Ninh th ng nêu ra là vì «Chiêm Thành c p phá ho c b tri u c ng». Đây là m t lý lu n hoàn toàn phi khoa h c.

T nh ng d kin ã nêu ra ph n trên, c gi có c m t ng r ng các nhà s h c Vit Nam ch bi t đ a vào chính s c a qu c gia này, hay nói m t cách khác chính s c a m t chính quy n qu c xây d ng n idung lch s c a m t qu c gia thua tr n, g i là Cham pa. Chúng tôi g i ó là lch s m tchi u.

L ch s là d kin c a s th t ã tr thành dis n tinh th n c a m t dân t c. Các s gia không có lí gì xuyên t c nguyên do và luôn t o d ng nên nh ng lu n i u bình cho s bành t ng và xâm l ng c a Đ i Vit. Hôm nay, Đ i Vit và Cham pa là hai nhân t chính c u thành lch s và qu c gia Vit Nam . V à trong th i i bùng n thông tin khoa h c nh ngày nay, lí c àng không th lý chính s Vit Nam làm t li u tuy t i, v i l i t duy m tchi u c a nhà s h c Vit Nam vi tv Cham pa n a.

Cu n sách L ch s V ng qu c Cham pa c a L ng Ninh không có gì m i, hoàn toàn copy và s d ng lit li u c a các tác gi ng i Pháp, r i vi t l i theo th i n ý c a ng i Kinh nh m xuyên t c và làm phai nh t i lch s Cham pa. H c gi không có tinh th n khoa h c. Khi vi t sách, tác gi th ng hay b c l thái c a m t dân t c qu c, bày t t t ng c a dân t c l n vi tv dân t c nh . V ì v y cu n sách không m ang m t giá tr khoa h c t n idung n hình th c.

QUA NH NG N O Đ NG B ÌNH THU N C A M NG GIANG

Sách Tác gi Xu t b n, N hà Sách T L c t i California-USA , Phát hành, n m 2003, 864 trang. Sách g m 8 ch ng: Ch ng M t – B a th k n idài Chiêm Thành (tr. 7-52); Ch ng Hai – Chiêm thành th c ch t và huy n tho i (tr. 101-203); Ch ng B a – T Nguy n Th t Thành n tr ng D c Thanh (tr. 212- 346); Ch ng B n – B ình Thu n qua 3 th k (tr. 382-449); Ch ng N m – Q ua nh ng n o ng B ình Thu n (tr. 468-536); Ch ng Sáu – Phan Thi t trong tâm t ng i ly x (tr. 552-660); Ch ng B y – Th m l i ng x a l i c B ình Thu n – Phan Thi t (tr. 687-784); Ch ng Tám – B ình Thu n, nh ng th áng n m ly lo n (tr. 804-847); và ph n cu i sách là L i k t, M c l c, T li u kham kh o. Trong 8 ch ng trên c a cu n sách M ng Giang, chúng tôi ch a ra bình lu n 2 ch ng (Ch ng M t và Ch ng Hai), t c là nh ng ch ng có liên n lch s , v n hoá và v n m ình c a Cham pa (Chiêm Thành), m t lnh v c liên quan n nghiên c u c a chúng tôi.

Đây là sách có bìa in hình p, trình bày trang nhã, ch ìn nghiêng rõ ràng, thu n t i n cho ng i c. V n phong c a tác gi trình bày m ch l c, c m xúc d t dào, tuôn ch y trong t ng trang vi t. N idung c a cu n sách toát lên tâm tr ng c a tác gi M ng Giang, m t ng i yêu n c Vit Nam C ng Hòa, yêu quê h ng B ình Thu n qua nh ng n o ng.

Bằng kíp, qua 864 trang viết, tác giả đã cố gắng để nên một bộ chân dung của mảnh đất Bình Thuận: từ tháp Chăm pa (Chiêm Thành) đến chùa Phật, đình làng của người Kinh nông nghiệp, ven biển, từ núi Phú Quỳ xa xôi; từ con người dân Chăm pa bản địa của xã Bình Thuận đến sự va chạm của Nam tiến người Kinh và những người sinh sống ở đây. Tác giả đã đưa vào cuốn sách những tư tưởng “ôn cố tri tân”. Tuy nhiên, do cuốn sách có nội dung rộng lớn, nên viết theo dạng kíp của một nhà viết lách, không phải là nhà khoa học chuyên nghiệp nên cuốn sách sẽ phải thêm nhiều tài liệu về sử dụng lịch sử, địa lý, công nghệ và quan tâm kinh nghiệm văn hóa.

Sách sử dụng lịch sử

Muốn chúng tôi, viết về Chiêm Thành, tác giả Mạnh Giang không cần dẫn chứng, tài liệu trích dẫn đâu, dựa trên cơ sở tài liệu nào mà tác giả đồng ý tuyên bố những thông tin là: «Trên danh nghĩa từ năm 1693, địa vị chính thức là của nhân ông [sic] toàn cõi vùng quốc gia Chiêm Thành nói chung và từ Pânduranga, tức là Thuận trị hay tỉnh Bình Thuận ngày nay» (tr. 2). Và sự kiện này tác giả lặp lại nhiều lần một cách quy quy từ các tr. 16 và tr. 106. Đây là vấn đề sách sử dụng lịch sử Chăm pa gần như tất cả sách sử dụng lịch sử Chăm pa mà chúng tôi đã phân tích và trình bày trên.

Sách sử dụng lãnh thổ và thành phần dân tộc Chăm pa

Khí nói về vùng đất Tây Nguyên và các thành phần tộc Chăm pa, tác giả Mạnh Giang luôn phân biệt Tây Nguyên là vùng đất thuộc Chăm pa và các dân tộc Tây Nguyên là các dân tộc bản địa cư trú ở đây (tr. 105, 108). Tác giả viết «Trong suốt thời gian chiến tranh giải phóng của Việt-Chiêm, Phù Nam- Chăm pa, các bộ tộc Cao Nguyên Trung Phần cư trú ở đây từ chiến tranh của người Chăm » (tr. 105). Và «cho tới năm 1471 vua Lê Thánh Tông mới giải phóng hoàn toàn lãnh thổ của Chiêm Thành cho các bộ tộc» (tr. 106, 193 và 194). Đây là một quan tâm sách sử dụng lãnh thổ và thành phần dân tộc Chăm pa mà chúng tôi cũng đã phê bình về những phân biệt trên.

Sách sử dụng tài liệu

Công nhận về những nghiên cứu Chăm pa tác giả Mạnh Giang chỉ sử dụng và tìm kiếm duy nhất một nguồn tài liệu Việt Nam. Và cho rằng «... người Chiêm không có tác phẩm Lịch sử» (tr. 2, 107). Nên những nghiên cứu về người Chiêm (Chăm pa) vẫn còn lưu giữ những tác phẩm lịch sử. Những tác phẩm lịch sử Chăm pa khác hẳn tài liệu Việt Nam mà chúng tôi đã trình bày về những bài phê bình về những nghiên cứu nói thêm về tác giả Mạnh Giang rằng những nghiên cứu về Chăm pa mà hiện nay vẫn còn lưu giữ những tài liệu về lịch sử có nội dung liên quan đến những biên sử, chính sử của Chăm pa mà người viết đã bỏ qua cho thấy sự thiếu chính xác của mảnh (Po Dharma, 1987, tr. 183-184). Do đó những nghiên cứu này chính là những cuốn sách về Chăm pa mang tính khách quan, chưa hề thông tin có thể cho phép cho các nhà sử học Việt Nam kiểm chứng lại và bổ túc những tài liệu lịch sử của mảnh đất này. Đó là nguồn tài liệu

Lịch sử quý giá còn sót lại mà hiện nay người Chăm vẫn còn lưu giữ sau những trận tàn phá, hu diệt làng mạc Chăm, vỡ phình ngực như « tấc sắt, phách sắt, gươm sắt » của quân xâm lược Đại Việt, chỉ không phình tác giả Mông Giang viết «... người Chăm không lưu lại các tác phẩm lịch sử ... ». Đến đây, công trình nghiên cứu của Mông Giang, viết về lịch sử Chăm mà tác giả chỉ cảm thấy tài liệu từ phía người Việt. Thêm nữa tác giả chưa chú ý đến các sử liệu, chỉ có nói về lịch sử Chăm. Cho nên tác giả rất đáng thất vọng, phiến diện, mặt chỉ ưu tiên những văn bản.

Song y bin, mẫu thuẫn và khiếm khuyết trong văn chương quốc

Nguyễn bin cho hành quân xâm lược

Tác giả viết về nguyên nhân Nam Tincang viết và nguyên nhân người Chăm mất nước như sau.

-Người Việt Nam Tincang là do «Người Chăm suy yếu, không kiểm soát vùng biên và hải đảo xa xôi» (tr.10)

-«Ngoài ra cái thềm người Chăm có thể thoáng, dân Việt thì khai phá ruộng, rừng, rừng rậm công nghệ kỹ thuật và chiến lược, công nghệ cao chung» (tr. 114).

-«Nhìn chung tài lãnh thổ Chiêm Thành từ Quang Bình chuyển vào tới Bình Tuy (...) những “rừng rậm” phần lớn vùng này bị hoang». Do vậy trong thời kỳ này có lẽ phần lớn có chủ ý các tr.123,124 tác giả muốn nói ý là: Đất Chăm còn bị hoang thì người Việt sẽ vào chiếm. (Lưu ý “rừng rậm” của tác giả Mông Giang trong câu văn trên giống như «kết thúc của người già»).

-Đi Việt là nhân nhân phần lớn vì bị chiến tranh của người Chăm» (tr.113).

-Chiêm Thành mất nước là do nội bộ mâu thuẫn, nhân dân bị sự cai trị, thuế, bóc lột, xây dựng nhà đài (tr.112,113 và 114).

-«Tóm lại Chiêm Thành mất nước là do họ tự do diệt. Cuộc Nam tincang Đại Việt chiến tranh qua công nghệ làm tăng cường hợp» (tr.115-116)

Trong tác phẩm về nguyên nhân mà tác giả nêu trên lý giải về cuộc Nam Tincang viết và nguyên nhân mất nước của người Chăm thì công nghệ không có nguyên nhân nào do phía người Việt gây nên. Tác giả lịch Chăm. Đây không cần phân tích, chứng minh công nghệ đang như một lý thuyết này là kiểu lý luận mặt chỉ ưu tiên mang tính chủ quan chủ nghĩa biên mặt cách thô thiển cho hành quân xâm lược của người Việt.

Nguyễn bin cho hành quân viễn chinh của triều đình Việt Nam

Đề nghị bin cho hành quân viễn chinh tàn sát người Chăm của triều đình Việt Nam, trang 114 tác giả Mông Giang nói rằng «Qua dòng lịch sử của nhà [Việt Nam], họ chính do người Việt thì chấp li, hay tất cả sự giao thiệp, hoàn toàn không thấy nói đến sự tàn ác dã man của quân Việt viết từ binh hay dân chiến tranh người Chăm». Đây là văn chương lạc lõng công nghệ bình dân cho hành quân viễn chinh của người Việt. Vì rằng, chính sự Việt Nam còn ghi lại hành trình tàn sát này.

ây c ng c n nh n m nh r ng ng iV i t b nh h ng ng iCh m không ch trên lnh v c tín ng ng nh tác gi nêu m à còn di n ra trong nhi u lnh v c khác trong cu c s ng nh :k thu t óng ghe thuy n (ghe b u), làm n c m m ;k thu t làm ru ng n c, ê i u, gi ng lúa Chiêm mùa; âm nh c cung ình th iL í-Tr n, th iN guy n có hò Hu , nh c ng cung v.v.Ng c ling iCh m ch ti p thu v n hoá V i t trong th i gian sau này do áp l c ng hoá t th iM ình M nh th 17 (1837).V ua M ình M ng xu ng chi u b tng iCh m ph i thay ìh tên theo ki u V i t (h Châu, Qu ng, Đ c, S , L u)[43]; m c áo dài kh n óng ng iV i t; làm l tang, l h iCh m ph im ang c âm d ng, ng hành, bát quáic ang iV i t v ay m n t Trung Hoa[44]; và m ts kin trúc ình làng Ch m sau nay c ng nh h ng kin trúc ình làng V i t[45] v.v.

Lí lu n c quy n

Theo tác gi Chiêm Thành m t n c là do “lu t nhân qu ” c a nhà Ph t. Tác gi vi t «N ói theo kinh Ph t, thì t t c u là nhân qu , thì n ác nhân ti n, ng iCh m lúc nào c ng nu ìh n thù trong tâm (...) t n công h t n c này n n c khác và ng c l i h c ng ph i b n n nhân tr thù (...)» (tr. 113). Nh ng khi n Lê Kh c Quy n, S Thích Nh t H nh s d ng “lu t nhân qu ” c a nhà Ph t nh n nh v chin tranh 30 n m Nam-B c V i t Nam là do «dân t c V i t gi th i quá nhi u ng iCh m, vì Nam Tin m à VN [V i t Nam] ph i ch u nghi p ch ng luân h i trong su t th k XX» thì tác gi M ng Giang l i ch i Lê Kh c Quy n là tên ph n t c và S Nh t H nh là gã ác t ng bán K ình nhà Ph t (tr. 188, 189).

V n này cho th y r ng, tác gi M ng Giang không có t duy lí lu n logic, nh t quán. Tác gi m u n c quy n v trí th c, t m ình m u n nói gì thì nói, còn ng i khác thì không quy n c nói. Ch có tác gi m i c s d ng “lu t nhân qu ” phán xét, còn ng i khác thì không nên. Đ ây không ph i là m t ki u lí lu n khoa h c c a m t nhà nghiên c u mà là v n ch ng c ang i v i t lách m u n ch i ai thì c h i.

M t v n lí lu n c quy n vô lí n a trong cu n sách c a M ng Giang mà c gi d nh n th y tác gi t cho m ình làm tng ìr tyêu n c V i t Nam C ng Hoà và c m thù gi c C ng S n nh ng tác gi l i c m ng iCh m không c quy n tyêu n c Cham pa và c m thù quân xâm l c ng iV i t.

ây c n nh n m nh r ng, tác gi M ng Giang r tyêu n c, c b i t là tyêu n c V i t Nam C ng Hoà. Tác gi n i t i c c m h n «tr c n i tan nhà nh c n c và ách nô l c a C ng S n... » (tr. 189). Th tran c V i t Nam có m t âu, v n còn ó m t gi ang s n do ng iV i t làm ch m c dù h là C ng S n, c chim à tác gi l i khóc, n i t i c cho t n c V i t Nam. Tác gi vi t: «... ch ng còn gi t n c m t m u n m àng, khóc... » (tr. 346, 378). V n chin c V i t Nam b ng i Tàu, ng i M , ho c ng iCh m xâm chi m thì tác gi li u làm sao?

Nh ng i v ing iCh m, m t gi ang s n r ng l n b bin m t, m t dân t c ã b n n di t ch ng kinh hoàng hoàng ch a t ng th y trong L ch s Đ ông Nam Á và hi n nay ang ch u s c ép ng hoá m ãnh l i t c ang iV i t t nhi u phía. V y thì làm sao m à ng iCh m có th quên c t n c, t qu c c a h . Nhân danh là con ng i, h c ng có quy n s ng, quy n au n, tu ìh n, và c m thù gi c nh tác gi M ng Giang và nh ng dân t c vong thân khác trên th gi i. C sao tác gi l i phê phán Ch L ình hát bài H n Đ B àn; phê phán m ts thi u s Ch m còn m ang h n thù ng iV i t (tr. 115)

và phê phán Đ c V n K i t «lên án ng i V i t là dã man, c p n c» (tr. 189). Lí lu n ki u tác gi M ng G iang ã cho c gi hi u r ng, ch có ng i K ình m i bi t yê u n c, c m thù gi c, còn các dân t c khác thì không bi t yê u n c, ch bi t làm nô l .

H i n t ng Ch L ình và Đ c V n K i t.

Có d p nghe ca s Ch L ình g c Ch m hát bài H n Đ B àn tác gi M ng G iang a ra k t lu n r ng «t ó m i th y n b ây gi , mà s h n thù gi a h a i dân t c Chiêm - V i t, v n còn m c n i h n c a m t th i u s , vì ch ình nh ng ng i này không bi t t i s a o m ình ph i s u y t àn. Tóm l i Chiêm Th ành m t n c là h h t o d i n» (tr. 115). L i k t lu n c a tác gi M ng G iang v ca s Ch L ình s cho c gi th y r ng, tác gi M ng G iang có t t ng h n thù dân t c không h n không kém . Cho r ng, ca s Ch L ình hát bài H n Đ B àn ch k êu g i s h n thù dân t c là m t lí lu n kh ô i h ài. Đ úng ra M ng G iang ph i n ó i r ng ng i ng ra k êu g i s h n thù Chiêm - V i t ph i là nh c s X u ân T i ên g c V i t. V ình c s X u ân T i ên là ng i s áng tác ra bài H n Đ B àn còn Ch L ình ch hát l i bài H n Đ B àn c a nh c s X u ân T i ên mà không thêm b t m t l i n à o. Đ úng ra tác gi M ng G iang ph i k t t ình c s X u ân T i ên, v ình c s X u ân T i ên là th ph m ch ình (ng i s áng tác) k êu g i h n thù dân t c nh ng tác gi l i n ph ng k t t i Ch L ình. Đ n ây c gi ã th y rõ cùng m t v i c làm , cùng m t h ành ng d i n ra có h a i ng i th a m gi a, nh ng m t ng i Ch m nh Ch L ình là có t i, còn nh c s X u ân T i ên, ng i V i t n ên lu n lu n v ô t i. Th t h i s t do, b ình ng, b á c á c a ng i V i t â u ? H i n t ng này không ch g p t duy k ì th dân t c c a M ng G iang mà còn x y ra hàng ngày trên t n c V i t N a m ngày nay v t i ph ân bi t, i x không b ình ng c a ng i V i t (K ình) i v i c các dân t c th i u s .

T n i d u n g c a bài hát H n Đ B àn tác gi M ng G iang t g á n cho dân t c C h a m p a là «không bi t t i s a o m ình ph i s u y t àn» (tr. 115). V ì lu n m a n g t t ng t cao, t i là Đ i V i t v n m ình cho nên M ng G iang c n g h là dân t c Ch m là m a n d i m i r «không bi t t i s a o m ình ph i s u y t àn» mà M ng G iang ã quên ì m t i u q u a n t r ng ó là m ìng i Ch m , h có ý th c r t cao v v n ho á và l c h s c a h . T k h i s ình ra kh i l òng m n t r ng th ành, h ã t ng nghe nh ng câu hát ru, nh ng bài cúng t , nh ng bài th ánh ca hát v l c h s , v nh ng v a n h ùng c a h t r o n g m i d p l h i h àng n m , cho nên ít n h i u h ã b i t nguyên nh â n «t i s a o m ình ph i s u y t àn». V à nh ng ng i này lu n ý th c r t r ò r ng v u ng q u c C h a m p a s u y t àn là do s x â m l n g c a Đ i V i t. Đ i v ìng i Ch m , d i t m i n t r u n g t Đ è o N g a n g cho n B ình Thu n ngày nay là “l ãnh th v nh h ng” t r o n g th g i i t â m l ình c a h v à ch là “l ãnh th t m th ì” c a V i t N a m . K h ô n g bi t t i s a o tác gi M ng G iang ã v i t v l h i C h a m p a t r o n g s ách r i (tr. 175-190) mà l i k h ô n g bi t v n này (?). Đ úng là tác gi M ng G iang ch “c ìng a x e m h o a” nh ng l i v i v à n g k t lu n là ng i Ch m «không bi t nguyên nh â n t i s a o m ình s u y t àn». Có ch ng M ng G iang m i là ng i d u y nh t k h ô n g bi t t i s a o ng i Ch m s u y t àn.

N h â n v t th h a i m à M ng G iang a ra làm nh â n ch ng ph ân t íc nh m k t á n cho ng i Ch m là có b n ch th n thù, ó là J a v a P a k K r o n g, t c là Đ c V n K i t, m t ch i n h u ã t ng m t th i c ùng M ng G iang ng chung m t ch i n h à o ch ng C ng S n, nay là s áng l p v i ên t p s a n V i j a y a - C h a m p a t i H o a K . Theo tác gi M ng G iang, n u ng i Ch m còn ng nh n v nguyên nh â n t i s a o C h a m p a b t i êu d i t, «ch ng q u a c ng

vì cảm xúc nhất thời qua sự mất mát, ríu rít thành thù hận» như Java Pak Krong (Đ c V n K i t) đã viết trong cuốn sách Xuân Bình Thuận, Cảnh Thềm 2000 với chủ đề «Và nét sặc sỡ của vùng quê Chiêm Thành».

Đề cập bài «Và nét sặc sỡ của vùng quê Chiêm Thành» (tr. 118-138) của Java Pak Krong (Đ c V n K i t) như đã nêu trên không thấy có tên nào, hàng nào, nội dung nào như tác giả Mãng Giang chỉ ra là Java Pak Krong (Đ c V n K i t) «mới gần đây Chiêm Bình Thuận, phảng phất và chà đạp dân tộc VN [Việt Nam] là chủ đề» (tr. 189). Có lẽ ông Java Pak Krong (Đ c V n K i t) chỉ tóm tắt sự kiện lịch sử Champa một cách trung thực trong suốt 8 thế kỷ chiến tranh tàn phá Chiêm Thành và Đế Việt. Cụ thể, tác giả Java Pak Krong (Đ c V n K i t) viết như sau: «tên dân tộc Việt là làm sao «nên tôn giáo, phong tục tập quán, ngôn ngữ, chủ đề Việt Champa (...) vốn là trân quý, gìn giữ và tồn tại trong (...) tính văn hoá và địa danh của Việt Nam» (tr. 136). Và cụ thể tác giả Java Pak Krong (Đ c V n K i t) kêu gọi anh em Chiêm Việt «nghe bình xúc cảm thành sự hối hận và sự hối hận chỉ là buồn thảm không cần thiết cho cuộc sống mới khi phải» (tr. 136). Lời khuyên của bài viết Java Pak Krong (Đ c V n K i t) mang tính nhân văn, thiện cảm, tình đoàn kết, huynh đệ Chiêm - Việt đáng trân trọng. Thế thì, đâu là minh chứng cụ thể mà Mãng Giang đưa ra nói rằng Java Pak Krong (Đ c V n K i t) «mới gần đây Chiêm Bình Thuận, phảng phất và chà đạp dân tộc VN [Việt Nam] là chủ đề» (tr. 189). Đây là sự bịa đặt, che giấu sự thật, mang hình thù cá nhân, dân tộc một cách vô cớ của tác giả Mãng Giang.

Qua hình tượng Ch Linh và Đế Việt, các thi sĩ hiện đại dân tộc vong quốc như gần đây Chiêm mới dù chỉ là làm giả nhại dân tộc Việt như đã quy chụp, kết án một cách vô cớ. Ch Linh chỉ là một tác phẩm ca hát và Java Pak Krong (Đ c V n K i t), một nhà viết kịch văn xuôi trung thực lịch sử của dân tộc mình như các nhà văn khác là không thể chấp nhận được. Đây là một bài viết [46]. Điều này đã chứng minh rằng lời nói của Mãng Giang là con của quốc gia Việt, luôn muốn áp đặt quy định lên dân tộc thiểu số khác, không chấp nhận bất cứ ảnh hưởng và sự pha trộn của Champa (kể cả chính bản thân gần đây) mà chỉ có tác giả Mãng Giang và dân tộc Việt mới có quyền đưa ra quan điểm lịch sử và quy tắc như một nhà văn của dân tộc Champa.

Cuốn sách Những Ngày Ở Bình Thuận của tác giả Mãng Giang chỉ là một sự liệt kê những nét lịch sử, văn hoá, phong tục, tôn giáo, tín ngưỡng, tháp, chùa, chiến tranh và lịch sử gần đây Chiêm Bình Thuận v.v. Rõ ràng những nội dung này đã được tác giả đưa ra là không có giá trị khoa học. Việt liệt kê trong sách của tác giả không rõ nguồn gốc, không trích dẫn nguồn tài liệu khi cần thiết. Việt mới cuốn sách dài 864 trang với nhiều dữ kiện lịch sử (1693-1975), nhưng tác giả chỉ sử dụng 18 cuốn sách tham khảo chính, chỉ không phải là sách trích dẫn (xem tr. 864). Vì vậy khi nói, các thi sĩ rõ ràng là tác giả không hề nghiên cứu kỹ lưỡng về quy trình văn học mà tác giả tìm kiếm trong cuốn sách. Tác giả dựa trên sự suy nghĩ theo cảm tính chủ quan nhiều hơn là khách quan khoa học. Lí luận khi phân tích, phân tích, phán xét bừa bãi và nói đi... là khuyến khích những nội dung sai lệch trong cuốn sách của tác giả Mãng Giang, cũng như trong một số cuốn sách của ông viết về Việt Champa. Đây cũng là những bài báo trong những sách của một số nhà nghiên cứu Việt Nam. Vì vậy, quan niệm của tác giả Lí gia Việt Champa (Chiêm

Thành) trong sách là quan niệm chung của nhà viết lịch mang tính dân tộc
quyền là quan niệm của nhà khoa học chân chính.

Mặc dù cuốn sách của tác giả là kiến thức, hay là một tiểu thuyết thẫm mĩ (có
quyển sáng tác) lịch sử, thì tác giả cũng phải tôn trọng kiến thức (lịch sử phải
là sự thật), chứ không nên lợi dụng quyền của Champa suy tàn, lợi dụng ngòi bút kịs,
văn chương tiểu thuyết trổ tài mà tấu tìu tư lừa dối sách (sách tác giả tự xuất bản)
xuyên tạc lịch sử, văn hoá và con người Champa./.

M. S. BERTRAND

(Chung trình thi giã Mã Lai-Đông Dương)

[1] Nhà nghiên cứu này đã viết trong *Harak Champa* số 3, ra ngày 30/6/2005 và *Harak Champa* số 6, ra ngày 30/8/2005.

[2] *Lịch Sử Văn Quyển Champa*, Nhà xuất bản Địch Quốc gia, Hà Nội, 2004, 354 trang. Nguyễn Gia Kính, *Từ Quyển Ấn Độ*, Sách in lần thứ 2 tại Paris, 2004 (vấn đề tục và sách), 615 trang và *Một Ngày Giang Qua Nhảy Núi Đèo Bình Thuần*, Tác giả xuất bản, Nhà Sách Trường California-USA, phát hành, 2003, 864 trang.

Xem *Lịch Sử Việt Nam* (chính biên), *Lịch Sử Việt Nam* Ginyu, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, 658 trang; *Trên Hồ Quýnh* (chính biên), *Lịch Sử Việt Nam*, tập I, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2001, 487 trang.

[4] *Trên Quốc Vực*, Văn Hoá Việt Nam, Nhà xuất bản Địch Quốc gia, Hà Nội, 1995, 345 trang; *Trên Ngai Thềm*, Tìm về Bản sắc Văn hoá Việt Nam, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1997, 615 trang.

[5] *Trên Quốc Vực*, *Lịch Sử Việt Nam* và *Trên Ngai Thềm*, sách đã dẫn.

[6] G. Maspero, *Le Royaume de Champa*, Paris (Van Oest), 1928.

Đây là các tác giả viết về lịch sử Champa: G. Coedes, *Les Etats hindouisés d'Indochine et d'Indonésie*, de Boccard, Paris, 1964; A. Bergaigne, «L'ancien royaume de Campa, dans l'Indochine, d'après les inscriptions», in *Journal Asiatique* XI, 1888, tr. 5-105; R. C., Majumdar, *Ancient Indian Colonies in the Far East. I. Champa. La hore (Greater India Society Public. 1. Punjab Oriental Series XVI) 1927*; Po Dharma, *Le Panduranga (Campa) 1802-1835, Ses rapports avec le Vietnam*, Public. EFEO CXLIX, Paris, 2 Tomes, 1987.

[7] Po Dharma, 1987.

[8] Po Dharma, «Etat des dernières recherches sur la date de l'absorption du Campa par les Vietnamiens», in *Actes du séminaire sur le Campa organisme l'Université de Copenhague le 23 mai 1987*, Travaux du CHCPI, Paris, 1988, tr. 59-67; Po Dharma, «Le duel du Campa entre le XVIe et le XIXe siècle», in *Le Campa et Le Monde Malais*, CHCPI, Paris, 1991, tr. 47-61; Po Dharma, «The History of Champa», in *Cham Art*, River Books Ltd, Bangkok, 2001, tr.14-27; Po Dharma, «Sức sống lịch sử Champa», in *Champa*, Số 1-1999, IOC-Campa hành tại San Jose, California, USA, tr.33-37.

[9] *Điền Nam* nhật ký chí, *Điền Nam* thực địa biên, v.v.

[10] Po Dharma, 1987, tập 1, tr. 222-223. Xem thêm P-B. Lafont, «Pour une réhabilitation des chroniques rédigées en cam m moderne», in *BEFEO LXV III*, 1980, tr. 105-111.

[11] G. Maspero, 1928, tr.239; Lê Thành Khôi, 1955, tr.265; và J. Boisselier, 1963, tr. 1963

[12] Po Dharma, 1987, t p 1, tr. 183-184.

[13] Po Dharma, 1987, t p 1, tr . 183-184.

[14] Dohamide và Dorohiem, 2004, tr. 262-263.

[15] L. Pinot «Notes épigraphiques in Etude épigraphiques sur le pays Cham », BEFEO, Paris, 1955, tr. 7 và 16.

[16] L. Finot, «Notes d'épigraphie. V . Panduranga», in BEFEO III, 1903, tr. 630 654; E. M. Durand, «Notes sur les Chams. III. La Chronique Royale», in BEFEO V, 1905, tr. 377-382.

[17] G. Maspero (1928); G. Coedes (1964); P. B. Lafont (1980); Po Dharma (1987). Xem thêm , P. Pelliot, <<Textes chinois sur le Panduranga>>, in BEFEO III, 1903, tr. 649 654.

[18] C m t dùng trong tác ph m Dohamide và Dorohiem , Bangsa Cham pa, tìm v v i m t c u i n g n cách xa, Seacaef-V iet Foundtion, California, Hoa K , 2004, tr. 263.

[19] Lafont, 1980, Po Dharma, 1987.

[20] D a trên t li u c Trung Hoa, P. Pelliot (1903) ch ng m inh r ng Panduranga vào th ik ó d ng nh ã ch ng m tch t tr trong lòng v ng qu c Cham pa. Nh ng t li u trên c ng gi i thi u x s này vào cu i th k X ,nh là «m tv ng qu c thu c Cham pa» nh ng l i tri u c ng c hai tri u ình Trung Hoa và Cham pa nh ng s n v t c a a ph ng m ình.

[21] Po Dharma, 1987; B , G ay, <<V ue nouvelle sur la com position ethnique du Cam pa>>, in Actes du Séminaire sur le Campa organisèe l'Universitè de Copenhague le 23 mai 1987, CHCPI, Paris, 1988, tr. 49-58.

[22] Nicolas W eber, <<S kh ingh a c a Tuen Phaow 1796-1797>>, in Cham paka 4, 2004, tr. 81-100; Po Dharma, <<T phong trào Katip Sum at 1833-1834 n m t tr n Ja Thak Wa 1834-1835, in Champaka 4, 2004, tr. 37-80.

[23] Tri u i (D ynasty) c a Po Rom é g m 12 i v u a : kh i u t vua Po Rom é n vua Ce i B reik t th úc (1627-1796); V ùng tri u (Reign) c a vua Po Rom é kéo dài 24 n m (1627-1651).

[24] Po Dharm a, 1987, t p 1, tr.181-182; B. Gay, 1988.

[25] G. Coedes et H. Parmentier, Listes générales des inscriptions et des monuments du Champa et du Cambodge, Hanoi, Public. EFEO, 1923.

[26] Nh bi H òn Đ , bi Tr Ch ùa M H i, bia V ách Đ á Ch ùa L ình S ìn (Tháp Ch ùa M), bi Po G ha, bi Ph c Thi n, v.v. S b i m iphá thi n v n ang còn b o t n m ts di tích và m ts ang l u gi t i B o T àng N ình Thu n. B ên c nh ó N ình Thu n còn phát hi n nhi u di tích, di v t khác thu c v n hoá Cham pa mà các nhà nghiên c u ã ang t i thông tin trên các t p chí chuyên ngành V i t N am . Xem Sakaya, «Nh ng di tích, di v t kho c h c tnh N ình Thu n», T p chí X a & N ay, S 128 (176), X I-2002, tr 38-42.

[27] Theo tác gi L ùng N ình vào 1989, ng i Ch m N ình Thu n có kho ng 45.971 ng i; B ình Thu n: 21.000; Đ ùng N ai: 1.000; Tây N ình: 2.000; A n G iang: 15.000; Thành ph H Ch ình M ình: 4.000.

N u d a vào s li u th ng kê dân s n m 1989 c a tác gi L ùng N ình a ra thì t ng s dân ng i Ch m V i t N am là 80.000 ng i. Trong khi ó theo s li u t ng i u tra dân s c a V i t N am vào ngày 1/1/1999 thì dân s c ang i Ch m V i t N am là 133.000 ng i. C th , ng i Ch m sinh s ng 9 tnh trên 64 tnh thành V i t N am . T nh A n

Giang: 13.000 (huy n An Phú, Tân Châu, Châu Thành); Bình Định: 4.800 ng i (t p trung huy n Văn Cảnh, Bình Phước, Phước Long, Thuận Phước, huy n Đ ng Phú); Bình Thuận: 31.599; Đ ng Nai: 2.628 (xã Xuân Hưng, huy n Xuân Lộc; xã Bình Sơn); Thành phố Hồ Chí Minh: 5.173 (c u Th Ngh , c u Ch Y , c u Tr ng M ình Gi ng, c u Bình Tiên, c u Công Lý, ch Phú Nhuận, ch Nancy, ch R ch O ãng.); Ninh Thuận: 60.340 ng i (N ình Ph c, N ình H i, N ình S n, Phan Rang); Phú Yên (Ch m H roi): 17.835 (Huy n Sơn Hòa và Đ ng Xuân); Tây Ninh: 2.900 ng i (huy n Tân Biên, Tân Châu). Xem Ngày H i V n Hoá Ch m T i H à N i, B V n hoá Thông tin, Trung tâm tri n l ăm V n hoá Ngh thu t, H à N i, 2003.

[28] V n Môn (Sakaya), «Th c Tr ng tôn giáo, tín ng ng c a ng i Ch m», T p chí Tôn giáo, S 4/2000, tr. 49-54.

[29] P. Y. Manguin, «The Introduction of Islam into Campa», EFEO, tome LXVI, 1979, tr. 7-13 (translated English by Robert Nicholl).

[30] R. C. Majumdar, 1927.

[31] Xem G . Maspero, 1928, tr. IX ; Po Dharm a, «S l c lch s Cham pa», in Champaka, No 1-1999, tr. 20.

[32] Xem Ngô Đ c Th nh (ch biên), Đ o M u và các hình th c Shaman trong các t c ng i thi u s V i t Nam và Châu Á, Nhà xu tb n Khoa h c X ã h i, H à N i, 2004.

[33] Nón lá là v t quý c Cham pa dùng làm quà tri u c ng cho nhà Nguy n, c ghi chép l i trong Ph Biên T p L c. Trích t Danny Wong Tze-Ken «M iquan h gi a chúa Nguy n và v ng qu c Cham pa. B c nghiên c u s kh i», in Cham paka 1, 1999, tr. 59-75. Tr c ó ng i V i t (K ình) ch có áo dài t thân, nón quai thao; còn áo dài Hu và nón lá ng i V i t (K ình) dùng ph bi n ngày nay là nh h ng t áo dài và nón lá Ch m .

[34] Ghe trong c m t «ghe thuy n» phát xu t t ìng Ch m : gaiy. B u trong «ghe b u» phát xu t t ìng M ã Lai “Perahu “ và Ch m là “ahaok”.

[35] Qu c tri u chánh biên, Saigon, 1971.

[36] Danny Wong Tze-Ken, 1999.

[37] Nguy n Gia K i n, 2004, tr. 37.

[38] V i t S L c, Quy n II, 19-20b, tr.122-123 (t li u này d n theo Nguy n L Thi, Th tch c V i t Nam , UBKH X ã h i V i t Nam -Ban Đ ông Nam Á xu tb n, H à N i-1977, tr.2).

[39] Ngô S Liên, Đ i V i t s k í toàn th , Quy n 1, tr.173.

[40] Xem Aym onier, Ng i Ch m và Các tôn giáo c a h , Ernest Leroux, E ùditeur, 28, Rue Bonaparte, 28, Pari, 1891, tr. 12.

[41] G. Maspero, 1928, tr. 238; D. G. E. Hall, 1981, tr. 210; J. C. Sharma, Temple of Cham in V i tnam , Nhà xu tb n Khoa h c X ã h i, H à N i, 1992, tr.35.

[42] Đ i Nam Th c L c T i n Biên, V i n S h c, Nhà xu tb n Khoa h c X ã h i, H à N i, 1962-1966, Quy n 16, tr. 102.

[43] Nguy n Kh c Ng , M u H Chàm , Nhà xu tb n Trình bày, Sài Gòn, 1967, tr. 125.

[44] «V n hoá V i t Nam là s b tch c v n hoá Trung Qu c nh ng ch a xong» (Nguy n Gia K i n, 2004, tr. 15) nh ng M ình M nh li em v n hoá V i t truy n bá cho ng i Ch m . Th t là khô i hài!

[45] Xem Harak Champaka 3, ra ngày 30/6/2005, tr. 13-14.

[46] N m 2000, Đ a CD của Ch Linh: Traditional Music and Songs of Cham pa (Đ ân ca và dân nh c truy n th ng Cham pa) c ng b chính quy n V i t Nam c m oán.